

Số: 105/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã  
giai đoạn đến 2020 của tỉnh Hà Giang năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT, ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 và Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến 2020;

Xét đề nghị tại tờ trình số 10/TTr-SYT, ngày 12/01/2017 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho 32 xã/phường/thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 của tỉnh Hà Giang năm 2016 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã/phường/thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo kiểm tra, củng cố, duy trì, phát huy kết quả đã đạt được, giữ vững danh hiệu đơn vị xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến 2020 trong những năm tiếp theo.

Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố chủ trì tổ chức trao Giấy chứng nhận cho các xã/phường/thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã/phường/thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- TTr Tỉnh ủy-HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, NN, KGVX

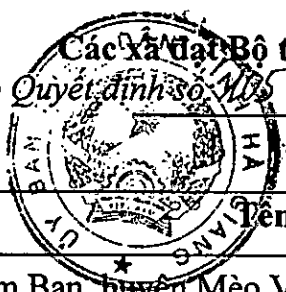
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Quý**

## DANH SÁCH

Các xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2016  
(Kèm theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh)



TT	Tên đơn vị	Số điểm đạt
1	Xã Nậm Ban, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	89.0
2	Xã Tát Ngà, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	83.0
3	Xã Lũng Chinh, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	86.5
4	Xã Sùng Máng, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	81.0
5	Xã Phó Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	82.0
6	Xã Sáng Tùng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	80.5
7	Xã Lũng Phìn, huyện Đồng Văn, Hà Giang	81.5
8	Xã Sùng Trái, huyện Đồng Văn, Hà Giang	86.0
9	Xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	83.5
10	Xã Du Tiến, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	81.5
11	Xã Ngọc Long, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	85.0
12	Xã Thái An, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	85.5
13	Xã Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	84.5
14	Phường Quang Trung, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang	83.5
15	Xã Thượng Tân, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	83.0
16	Xã Yên Cường, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	84.0
17	Xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	83.5
18	Xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	85.5
19	Xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	82.5
20	Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	84.0
21	Thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	80.5
22	Xã Đông Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	85.0
23	Xã Bản Rịa, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	84.0
24	Xã Hương Sơn, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	83.5
25	Xã Nậm Khòa, Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	80.0
26	Xã Tụ Nhân, Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	81.5

27	Xã Bản Nhùng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	80.0
28	Xã Thèn Chu Phìn, huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang	80.5
29	Xã Sán Sả Hồ, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	81.0
30	Xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	81.0
31	Xã Nàn Xín, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	80.5
32	Xã Nà Chì, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	80.0

*(Ấn định 32 xã/phường/thị trấn)*

---